

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 59/2022/HC-ST

Ngày: 12-8-2022

V/v: “*Kiến quyết định hành chính
trong quản lý đất đai*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuần

Các Hội thẩm nhân dân: Bà H’ Mơ Niê

Ông Phạm Hữu Dụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Lắc: Ông Trần Văn Lai - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Vào các ngày 20 tháng 7 năm 2022 và ngày 12 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 15/2022/TLST-HC, ngày 10/02/2022, về việc: “*Kiến quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” giữa:

* Người khởi kiện: Bà Võ Thị Phương T

Địa chỉ: Phường T3, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc, có mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh L, có mặt.

Địa chỉ: Xã E, huyện C, tỉnh Đắc Lắc.

Ông Trần Minh T1, có mặt.

Địa chỉ: Xã E, huyện C, tỉnh Đắc Lắc.

* Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắc Lắc;

Địa chỉ: Số 01 đường LND, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T2 – chức vụ: Phó chủ tịch, vắng mặt.

Người vào vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố B: Ông Huỳnh Nhật N – chuyên viên phòng Tài nguyên và môi trường, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai người khởi kiện bà Võ Thị Phương T và đại diện theo ủy quyền của bà T trình bày:

Vào tháng 04/1985, ông Võ Thiện L1 và bà Hoàng Thị O là bố mẹ đẻ của bà Võ Thị Phương T có nhận chuyển nhượng một lô đất của ông Nguyễn Thanh N1, có giấy sang nhượng đất viết tay đề ngày 20/05/1985 với kích thước 5,85m X 33,4m, với tổng diện tích 195,39m².

Bố mẹ bà T đã làm nhà ở cấp 4, phần diện tích còn lại để làm sân và trồng hoa màu từ đó đến nay không hề có tranh chấp với bất cứ cá nhân, tổ chức, cơ quan nào. Gia đình bà T cũng đã đóng thuế nhà đất đầy đủ. Nay là thửa đất số 208, tờ bản đồ số 20, lô đất thuộc phường T33, thành phố B. Vào năm 2003 thì Mẹ của bà T qua đời, đến năm 2005 thì bố bà T tiếp tục qua đời đột ngột.

Vào ngày 03/03/2005 bà T đã làm đơn xin xác nhận về đất đai mà bố mẹ bà T đã mua của ông Nguyễn Thanh N1 từ năm 1985, để có căn cứ hợp thức hóa quyền sử dụng đất cho ba chị em bà T về sau. Đơn này đã được Ban tự quản khối 3 cũng như Chủ tịch UBND phường T3 xác nhận nội dung.

Vào ngày 25/03/2007, ba chị em bà T lập Biên bản họp gia đình để giải quyết tài sản thừa kế là thửa đất mà bố mẹ bà T mua của ông Nguyễn Thanh N1 từ năm 1985. Biên bản này cũng được Chủ tịch UBND phường T3 xác nhận.

Vào ngày 09/09/2015, UBND thành phố B ban hành Công văn số 1882/UBND-DT, ngày 09/09/2015 về việc quy hoạch phân lô một số thửa đất để bán, trong đó có thửa đất số 199, tờ bản đồ số 20, phường T3, thành phố B, đã có sự chồng lấn lên phần đất của gia đình bà T là khoảng 63m², thực tế đo đạc là 79m², nên bà T đã có đơn kiến nghị tới UBND thành phố B về nội dung đất chồng lấn và yêu cầu UBND thành phố B trả lại diện tích đất 79m² này cho gia đình bà như trạng thái ban đầu mua của ông N1 từ năm 1985.

Vào ngày 26/12/2018, UBND thành phố B đã ban hành công văn số 4548/UBND-TNMT trả lời đề nghị giải quyết việc chồng lấn đất đai, không chấp nhận đề nghị của bà T.

Vào đầu năm 2019, bà T đã có đơn khiếu nại công văn số 4548/UBND-TNMT, ngày 26/12/2018. Tiếp tục đề nghị UBND thành phố B xem xét lại phần diện tích đất chồng lấn để trả lại đất cho gia đình bà.

Vào ngày 17/10/2019 UBND thành phố B ban hành quyết định số 7563/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu của bà T. Tiếp tục không chấp nhận

đơn khiếu nại lần đầu của bà T.

Vào ngày 25/10/2019 bà T tiếp tục có đơn khiếu nại lần hai tới Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk, yêu cầu chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk giải quyết đơn khiếu nại lần hai của bà T.

Vào ngày 14/10/2020, sau một năm kể từ ngày có đơn khiếu nại lần hai thì Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk mới ban hành Thông báo số 115/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai của bà T.

Đến ngày 06/04/2021, bà T đã làm hợp đồng ủy quyền hợp pháp lần thứ nhất cho ông Trần Minh L, để ông L có toàn quyền thay mặt bà T tiếp xúc, làm việc với các cơ quan thẩm quyền để giải quyết khiếu nại lần hai của bà T.

Vào các ngày: 10/05/2021, 19/05/2021; 25/08/2021; 09/11/2021; 30/11/2021 thì ông Võ Văn C, phó chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk đã có tới 05 văn bản gửi ông Trần Minh L, bà Võ Thị Phương T; Giám đốc sở TN&MT tỉnh Đắk Lắk và Chủ tịch UBND thành phố B, để yêu cầu hai cơ quan này giải quyết các nội dung liên quan đến đơn khiếu nại lần hai (giải quyết lại khiếu nại) của bà T cũng như khắc phục các vi phạm đã gây ra trước đó.

Đặc biệt, tại các Văn bản số 10979 ngày 09/11/2021 và Văn bản số 3343 ngày 30/11/2021 thì Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk đã yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố B và Giám đốc sở TN&MT tỉnh Đắk Lắk thực hiện nghiêm các chỉ đạo của chủ tịch UBND tỉnh trong việc giải quyết khiếu nại, ở các nội dung chính gồm:

+ *Thứ nhất: Không được bỏ qua vai trò người đại diện theo ủy quyền hợp pháp của bà T là ông Trần Minh L.*

+ *Thứ hai: Thu hồi thông báo số 115/TB-UBND ngày 14/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk và thu hồi, hủy bỏ quyết định số 7653/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của Chủ tịch UBND thành phố B về giải quyết khiếu nại lần đầu của bà T do UBND thành phố cũng như Sở TN&MT đã có những vi phạm pháp luật trong việc giải quyết, tham mưu cho lãnh đạo UBND tỉnh Đắk Lắk không đúng pháp luật.*

+ *Thứ ba: Yêu cầu hai cơ quan này tiếp tục giải quyết lại khiếu nại lần 1, tăng cường đối thoại với người khiếu nại để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của công dân.*

+ *Thứ 4: Yêu cầu hai cơ quan này kiểm đếm trách liên quan đến việc giải quyết khiếu nại mà ông Trần Minh L đã có văn bản yêu cầu.*

Mặc dù các văn bản của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk rõ ràng như vậy nhưng cả hai cơ quan này cố tình gây khó khăn để người đại diện theo ủy quyền hợp pháp của bà T là ông Trần Minh L tham gia giải quyết khiếu nại, buộc bà T

phải đối thoại ngay mặc dù bà T đã 02 lần có lý do chính đáng là phải có sự tham gia của người đại diện theo ủy quyền hợp pháp là ông Trần Minh L.

Như đã trình bày ở trên, mặc dù thực tế chưa, không đối thoại, làm việc cùng bà T cũng như người đại diện theo ủy quyền hợp pháp của bà T là ông Trần Minh L nhưng ngày 09/12/2021 UBND thành phố B đã ban hành Quyết định số 8832/Đ-UBND bác bỏ toàn bộ các nội dung khiếu nại của bà T với nhiều lý do không phù hợp, trái với các quy định của pháp luật, trong đó có lý do đã tiến hành đối thoại với người khiếu nại (theo báo cáo số 269/TN-MT, ngày 17/11/2021 của Phòng TN&MT thành phố B mà Quyết định số 8832 trích dẫn).

Chưa dừng lại ở đó, theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk tại nhiều văn bản, trong đó có văn bản số 8088, ngày 21/08/2021 gửi Chủ tịch UBND thành phố cũng như Giám đốc sở TN&MT tỉnh Đắk Lắk thì Chủ tịch UBND thành phố B có nghĩa vụ xử lý khiếu nại của chúng tôi theo đúng pháp luật và có báo cáo với Chủ tịch UBND tỉnh trước ngày 31/08/2021. Tuy nhiên chủ tịch thành phố không thực hiện, đối phó với lãnh đạo, với người khiếu nại, ép buộc bà T phải đối thoại trong điều kiện họ không cho ông Trần Minh L là người đại diện theo ủy quyền của bà T tham gia (mặc dù chính chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk tại mục số 1, văn bản số 10979/UBND-NNMT, ngày 09/11/2021 cũng đã có yêu cầu không được bỏ qua vai trò người đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Trần Minh L) để ban hành quyết định số 4832, ngày 19/12/2021 về việc giải quyết khiếu nại của bà T, vi phạm nghiêm trọng Luật khiếu nại năm 2011.

Do đó, bà T làm đơn khởi kiện đề nghị TAND tỉnh Đắk Lắk xem xét, giải quyết:

- *Hủy bỏ Quyết định số 8832/QĐ-UBND, ngày 09/12/2021 thành phố Buôn Ma Thuột về việc giải quyết khiếu nại của T.*

- *Hủy bỏ công văn số 4548/UBND-TNMT, ngày 26/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B trả lời đề nghị giải quyết việc chồng lấn không chấp nhận đề nghị của bà T.*

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đại diện theo ủy quyền của người bị kiện không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa ngày 12/8/2022 người khởi kiện, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có mặt tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa nhưng khi chuyển sang phần tranh tụng thì bỏ về không tham gia xét xử.

Quan điểm của Kiểm sát viên VKSND tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Công văn số 4548/UBND-TNMT, ngày 26/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B không chứa đựng nội dung của quyết định hành chính, không phải đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, đề nghị HĐXX bác một phần đơn khởi kiện của bà T.

Quá trình giải quyết khiếu nại của chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B sai sót về trình tự, thủ tục do chưa thực hiện đối thoại, không cho người đại diện hợp pháp của bà T tham gia đối thoại, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu của bà T hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 8832/QĐ-UBND, ngày 09/12/2021 để chủ tịch UBND thành phố B giải quyết lại khiếu nại theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng người bị kiện, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện. Tại phiên tòa người bị kiện, đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện cũng vắng mặt coi như từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người bị kiện theo quy định tại các điều 157, 158 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện:

[2.1] Đối với công văn số 4548/UBND-TNMT, ngày 26/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc trả lời đơn của bà T.

Xét thấy, ngày 09/9/2015 UBND thành phố B ban hành công văn số 1882/UBND-ĐT về việc quy hoạch phân lô thửa đất số 199, tờ bản đồ số 20, phường T3, thành phố B, bà T cho rằng việc quy hoạch phân lô đã chồng lấn một phần lên diện tích đất của gia đình bà nên làm đơn kiến nghị đề nghị UBND thành phố B xem xét lại.

Ngày 26/12/2018 Chủ tịch UBND thành phố B ban hành công văn số 4548/UBND-TNMT, ngày 26/12/2018 về việc trả lời đơn của bà T, cho rằng việc bà T làm đơn kiến nghị là không đúng. Như vậy, công văn số 4548/UBND-TNMT, ngày 26/12/2018 không chứa đựng nội dung của quyết định hành chính, nội dung của công văn không làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền lợi ích hợp pháp của bà T, nội dung của công văn không có nội dung làm phát

sinh nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bà T. Do công văn số 4548 không phải đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính nên cần bác yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu hủy bỏ công văn số 4548/UBND-TNMT, ngày 26/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B.

[2.2] Đối với yêu cầu Tòa án tuyên hủy bỏ Quyết định số 8832/QĐ-UBND, ngày 09/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của T là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và còn trong thời hiệu khởi kiện được Tòa án thụ lý, giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; Điều 115, Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Về nội dung của Quyết định giải quyết khiếu nại số 8832/QĐ-UBND, ngày 09/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B.

Về nguồn gốc đất bà T trình bày vào tháng 04/1985, ông Võ Thiện L1 và bà Hoàng Thị O là bố mẹ đẻ của bà Võ Thị Phương T có nhận chuyển nhượng một lô đất của ông Nguyễn Thanh N1, có giấy sang nhượng đất viết tay đề ngày 20/05/1985 với kích thước 5,85m X 33,4m, với tổng diện tích 195,39m² (nay là thửa đất số 208, tờ bản đồ số 20, lô đất thuộc phường T3, thành phố B). Sau khi nhận sang nhượng đất của ông N1 bố mẹ bà T đã làm nhà ở cấp 4, phần diện tích còn lại để làm sân và trồng hoa màu từ đó đến nay không hề có tranh chấp với bất cứ cá nhân, tổ chức, cơ quan nào. Gia đình bà T cũng đã đóng thuế nhà đất đầy đủ. Sau khi bố mẹ bà T qua đời, ngày 03/03/2005 bà T đã làm đơn xin xác nhận về đất đai mà bố mẹ bà T đã mua của ông Nguyễn Thanh N1 từ năm 1985 và được Ban tự quản khối 3 cũng như Chủ tịch UBND phường T3 xác nhận nội dung. Ngày 25/03/2007 chị em bà T lập Biên bản họp gia đình để giải quyết tài sản thừa kế là thửa đất mà bố mẹ bà T mua của ông Nguyễn Thanh N1 từ năm 1985 và được Chủ tịch UBND phường T3 xác nhận.

Vào ngày 09/09/2015, UBND thành phố B ban hành Công văn số 1882/UBND-DT, ngày 09/09/2015 về việc quy hoạch phân lô một số thửa đất để bán đấu giá, trong đó có thửa đất số 199, tờ bản đồ số 20, phường T3, thành phố B. Bà T cho rằng thửa đất số 199, tờ bản đồ số 20 đã có sự chồng lấn lên phần đất của gia đình bà T là khoảng 63m², thực tế đo đạc là 79m², nên bà T đã có đơn kiến nghị tới UBND thành phố B trả lại diện tích đất 79m² cho gia đình bà.

Vào ngày 26/12/2018, UBND thành phố B ban hành công văn số 4548/UBND-TNMT trả lời đề nghị giải quyết việc chồng lấn đất đai, không chấp nhận đề nghị của bà T. Do không đồng ý với nội dung của công văn nên bà T đã có đơn khiếu nại công văn số 4548/UBND-TNMT, ngày 26/12/2018.

Ngày 17/10/2019, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7563/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu không chấp nhận đơn khiếu nại bà T.

Vào ngày 25/10/2019 bà T tiếp tục có đơn khiếu nại lần hai tới Chủ tịch

UBND tỉnh Đắk Lắk và ủy quyền cho ông Trần Minh L tham gia. Sau khi xem xét đơn khiếu nại của bà T Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành thông báo số 115/TB-UBND, ngày 14/10/2020 về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai tuy nhiên sau đó đã ban hành thông báo thu hồi.

Ngày 03/6/2021 Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành công văn số 4834/UBND-TNMT chỉ đạo Ủy ban nhân dân thành phố B thu hồi Quyết định số 7563/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà T, ban hành các công văn số 8088/UBND-TNMT, ngày 25/8/2021; 10979/UBND-NNMT, ngày 09/11/2021 về việc đơn đốc nhắc nhở Ủy ban nhân dân thành phố B giải quyết lại khiếu nại của bà T đồng thời không được bỏ qua vai trò của người đại diện theo ủy quyền của bà T.

Ngày 15/9/2021 Ủy ban nhân dân thành phố B đã ban hành quyết định 6524/QĐ-UBND với nội dung thu hồi hủy bỏ Quyết định số 7653/QĐ-UBND, ngày 17/10/2019 của chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại của T, giao cho Phòng tài nguyên môi trường thành phố tiếp tục tham mưu Chủ tịch UBND thành phố giải quyết vụ việc khiếu nại của bà T.

Như vậy, ngày 15/9/2021 UBND thành phố B thu hồi quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 7653/QĐ-UBND nhưng đến ngày 09/12/2021 mới ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 8832/QĐ-UBND là vi phạm thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định tại điều 28 Luật khiếu nại năm 2011.

Ngày 05/11/2021, Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố B tổ chức đối thoại mà không triệu tập đại diện theo ủy quyền của bà T là vi phạm Điều 30 của Luật khiếu nại và Điều 138 của Bộ luật dân sự. Tại phiên đối thoại bà T đề nghị được hoãn phiên đối thoại để báo người đại diện theo ủy quyền vì bà đã ủy quyền cho ông Trần Minh L hỗ trợ bà về mặt pháp lý nhưng không được chấp nhận (nội dung theo file ghi âm) nên bà T không đồng ý đối thoại.

Tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 02/2016/TT-TTCP, ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP, ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định:

“1. Các trường hợp đối thoại

a) Trong quá trình giải quyết khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính, người giải quyết khiếu nại lần đầu tiến hành đối thoại nếu yêu cầu của người khiếu nại và kết quả xác minh nội dung khiếu nại còn khác nhau...”

Do đó, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 8832/QĐ-UBND khi chưa tổ chức đối thoại, ghi nhận ý kiến của người làm đơn khiếu nại làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T, vi phạm trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu hủy Quyết

định số 8832/QĐ-UBND, ngày 09/12/2021 của chủ tịch UBND thành phố B của bà Võ Thị Phương T.

Từ những phân tích nhận định nêu trên cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Phương T hủy Quyết định số 8832/QĐ-UBND, ngày 09/12/2021 của chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại, buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B giải quyết lại khiếu nại theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

Bác một phần đơn khởi kiện của bà T về việc yêu cầu hủy bỏ công văn số 4548/UBND-TNMT, ngày 26/12/2018 của Chủ tịch UBND thành phố B.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận một phần nên bà Võ Thị Phương T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Chủ tịch UBND thành phố B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; các điều 157, 158, 159, điểm b, khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 206 Luật tổ tụng hành chính; Luật khiếu nại 2011.

Áp dụng khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Võ Thị Phương T:

Hủy bỏ Quyết định số 8832/QĐ-UBND, ngày 09/12/2021 của chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại, buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B giải quyết lại khiếu nại theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của Võ Thị Phương T về việc yêu cầu hủy bỏ công văn số 4548/UBND-TNMT, ngày 26/12/2018 của Chủ tịch UBND thành phố B.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Chủ tịch UBND thành phố B phải chịu 300.000đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Bà Võ Thị Phương T được nhận lại 300.000đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo biên lai thu số AA/2021/0017160, ngày 07/02/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Người khởi kiện, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị kiện, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Duy Thuấn